

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 114/2021/HS-ST

Ngày: 18/11/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

2. Ông Đàm Đình Định.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1947 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ tư; có vợ Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1998; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

* Bị hại: Công ty TNHH A; Địa chỉ: Khu Công nghiệp Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Jung Do Y; sinh năm 1975; Chỗ ở hiện nay: Lô đất VI-4.1 Mặt đường D3, Khu công nghiệp Quế Võ 2, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Đăng H, sinh năm 1989; Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH A; ĐKKHKT: 314 đường Nguyễn Trãi,

phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH B; Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đại Đồng – xã Đại Đồng – huyện Văn Lâm- tỉnh Hưng yên; Đại diện ủy quyền: Ông Đặng Vũ Hạnh – Phó Giám đốc công ty; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983 (anh bị cáo); HKTT: Thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; HKTT: Thôn Liễu Khê, xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

4. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978; HKTT: Tổ dân phố Rừng, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1976; HKTT: thôn Đại Hữu, xã Tây Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Anh Trần Văn S, sinh năm 2001; HKTT: thôn Chính Thượng, xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3. Anh Lê Văn C1, sinh năm 1967; HKTT: thôn Thất Giang, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH A (vốn 100% của nước ngoài) địa chỉ tại: Khu công nghiệp Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh chuyên sản xuất bảng mạch in PCB, FPCB, PBA, FPCA. Trong quá trình sản xuất Công ty TNHH A (viết tắt là Công ty A) có nhập các linh kiện điện tử đựng tại các khay nhựa về gia công và lắp ráp, sau khi tháo các linh kiện điện tử ra khỏi các khay nhựa thì Công ty A thu gom các khay nhựa đập, vỡ không còn giá trị sử dụng sau đó chuyển đến trước cửa kho LCD (kho đóng hàng) để xuất bán cho Công ty TNHH B (viết tắt là Công ty B) địa chỉ tại Cụm khu công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng giữa Công ty A và Công ty B, sau khi có rác thải gom tại kho, Công ty A thông báo với Công ty B để cử người đến kiểm tra phân loại và xử lý rác thải. Sau đó nhân viên của Công ty B thông báo về Công ty để điều xe ô tô đến cân, thu gom có sự giám sát của nhân viên bảo vệ Công ty A. Sau đó nhân viên hiện trường là người viết hóa đơn

nhận phế liệu, biên bản được lập thành hai bản một bản giao cho bảo vệ Công ty A, một bản giao cho lái xe của Công ty B mang về nhập phế liệu cho Công ty B. Căn cứ vào biên bản bàn giao phế liệu hàng tháng giữa Công ty A và Công ty B thanh quyết toán với nhau số lượng phế liệu đã nhận.

Nguyễn Xuân T là nhân viên Công ty B và được Công ty B phân công làm nhân viên hiện trường, có trách nhiệm giám sát hoạt động thu mua rác thải, phế liệu tại Công ty A. Khi Công ty A thông báo rác thải, phế liệu đầy kho thì T đến Công ty A kiểm tra số lượng rác thải, phế liệu cần thu gom, báo lại cho Công ty B để điều xe ô tô đến thu gom. T làm thủ tục đăng ký cho xe tải của Công ty B qua cổng bảo vệ vào trong Công ty A thu gom rác thải, phế liệu. Anh Trần Văn S và anh Lê Văn C1 là bảo vệ của Công ty A và là người giám sát việc công nhân bốc xếp, cân phế liệu, đưa phế liệu lên xe ô tô của Công ty B và cho xe ô tô ra vào Công ty A. Sau khi cân xong thì T chốt khối lượng, ký biên bản bàn giao, xác nhận khối lượng và chủng loại phế liệu với anh S, sau đó báo khối lượng cho Công ty B. Lái xe của Công ty B cầm biên bản giao, nhận hàng, lái xe ra cổng để bộ phận bảo vệ tại cổng Công ty A kiểm tra, rồi chờ hàng về Công ty B để xử lý theo quy định. Cuối tháng, Công ty B và Công ty A sẽ chốt lại số lượng rác thải, phế liệu để hai bên thanh toán với nhau.

Do T thường xuyên ra vào Công ty A để thu gom rác thải, phế liệu nên bảo vệ và nhân viên của Công ty A đã quen mặt và tin tưởng T. Vì vậy lợi dụng sự tin tưởng của bảo vệ và anh Trần Văn S trong quá trình giám sát thu gom phế liệu tại Công ty A, T dùng thủ đoạn gian dối với đội ngũ bảo vệ Công ty A và anh Trần Văn S thông qua việc cân phế liệu không không đúng với thực tế sau đó điều xe ô tô không phải của Công ty B vào Công ty A bốc nhựa phế liệu chiếm đoạt đem ra ngoài bán lấy tiền. Các lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 29/10/2020, anh Nguyễn Trung Kiên - Nhân viên hành chính Công ty A là người được giao quản lý, giám sát việc xuất bán rác thải, nhựa phế liệu các loại của Công ty A thông báo cho T là Công ty A có nhựa phế liệu cần vận chuyển đi. Sau khi kiểm tra thấy số lượng phế liệu (nhựa ABS) tại Công ty A nhiều, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán ra ngoài lấy tiền. T đã thông báo cho Công ty B điều xe ô tô đến thu gom rác thải, phế liệu. Công ty B đã điều xe ô tô BKS: 89C-224.00 đến thu gom, T đăng ký với anh Lê Văn C1 (là bảo vệ Công ty A) để cho xe ô tô vào thu gom. Quá trình thu gom, anh Trần Văn S có mặt để giám sát, T mang cân (loại cân đồng hồ trọng lượng 150kg) từ trong kho phế liệu của Công ty A ra để cân phế liệu thu gom. Khoảng 05 phút sau vì tin tưởng T nên anh S đã để T chủ động thu gom, cân và đưa phế liệu lên xe ô tô 89C-224.00. T đã hướng dẫn, giám sát để lái xe và công nhân Công ty B thu gom được: 539kg nhựa đĩa phim tròn; 190kg Nylon trắng sạch và 1034 kg nhựa PS. Khi xe ô tô BKS: 89C-224.00 ra khỏi cổng Công ty A, T đã nói với anh S và anh C1 là bảo vệ tại cổng Công ty còn xe

của Công ty B đang đến tiếp tục thu gom, khi nào xong T sẽ báo số lượng thu gom được cụ thể để lập biên bản giao nhận. Do tin tưởng T nên anh Sự và bảo vệ tại cổng Công ty A đồng ý và cho xe ô tô BKS: 89C-224.00 đi qua. Sau đó, T liên hệ với chị Phạm Thị H, sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố Rừng, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên là người chuyên thu mua rác phế liệu, T thống nhất giá với chị Huyền là 14.000đồng/1kg nhựa phế liệu ABS. Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 29/10/2020, chị Huyền thuê anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1976, HKTT: thôn Đại Hữu, xã Tây Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình điều khiển xe ô tô BKS 17C-001.90 cùng đi có anh Nguyễn Văn Khôi và 02 người bốc vác thuê (không biết tên tuổi và địa chỉ) đến cổng Công ty A gặp T, sau đó T cùng anh Thế Anh đi đến Công ty Đại Tân, địa chỉ Khu công nghiệp Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để cân trọng lượng xe và xác nhận khối lượng của xe. Sau khi cân trọng tải xong quay trở lại Công ty A để bốc nhựa phế liệu lên xe. Khi đến cổng Công ty A, T đăng ký với anh Lê Văn C1 và nói với anh C1 xe ô tô BKS: 17C-001.90 là xe của Công ty B đến chở rác phế liệu, do tin tưởng T nên anh C1 đã cho xe ô tô BKS 17C-001.90 vào trong Công ty A để bốc hàng phế liệu, T hướng dẫn lái xe đi xe đến khu vực để rác thải phế liệu cạnh bộ phận LCD của Công ty A. Khi T vào bốc nhựa phế liệu, để tạo sự tin tưởng đối với anh Sự, T lại mang cân từ trong kho phế liệu của Công ty A ra để cân. Lúc đầu anh Trần Văn S có mặt để giám sát, khoảng 05 phút sau vì tin tưởng T nên quá trình bốc nhựa phế liệu ABS lên xe, anh Sự đã để T chủ động cân và bốc nhựa phế liệu lên xe ô tô (thực tế T không cân nhựa phế liệu trong Công ty A mà chỉ mang cân ra để tạo sự tin tưởng của anh Sự và nhân viên Công ty A). Sau khi bốc hàng xong, T đã thông báo với anh Sự khối lượng phế liệu cân được của xe ô tô: BKS 89C-224.00 thu gom được 539kg nhựa đĩa phim tròn; xe ô tô BKS 17C-001.90 thu gom được 190kg Nylon trắng sạch và 1034kg nhựa PS. Tin tưởng T cân, làm đúng quy định nên anh Sự đã vào sổ theo số lượng mà T thông báo, sau đó cả hai bên lập biên bản bàn giao phế liệu, T và anh Sự ký xác nhận biên bản (mỗi bên giữ 01 bản, anh Sự giao cho Công ty A, T giao cho lái xe Công ty B đem về Công ty B). Trên thực tế xe ô tô BKS 89C-224.00 đã thu gom được 539kg nhựa đĩa phim tròn; 190kg Nylon trắng sạch và 1034 kg nhựa PS và chuyển về bàn giao Công ty B cùng với biên bản bàn giao phế liệu. Còn xe ô tô 17C-001.90, T cùng anh Khôi điều khiển xe ô tô BKS 17C-001.90 đi ra khỏi Công ty A và đi đến Công ty Đại Tân để cân lượng nhựa phế liệu ABS vừa bốc lên và cân được khối lượng nhựa phế liệu ABS là 3.250kg. T chụp lại phiếu cân gửi qua Zalo báo với chị Huyền tổng khối lượng nhựa phế liệu ABS cân được 3.250kg. Chị Huyền đã thanh toán và chuyển tiền từ tài khoản số 32411678888 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) đến số tài khoản 0351001104231 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho T số tiền 45.500.000 đồng. Sau khi có tiền T đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với số nhựa phế liệu ABS chị Huyền mua của T sau

đó chị đã bán cho người không quen biết tên, tuổi và địa chỉ thu mua nhựa phế liệu được số tiền lãi là 2.200.000 đồng, chị Huyền đã giao nộp số tiền này để phục vụ cho việc điều tra.

Lần thứ hai: Sáng ngày 08/12/2020, sau khi nhận được thông báo là Công ty A có phế liệu cần vận chuyển đi, T đã đến Công ty A kiểm tra số lượng rác thải, phế liệu. Sau khi kiểm tra thấy số lượng phế liệu (nhựa ABS và PS) tại Công ty A nhiều, T đã tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán ra ngoài lấy tiền. T đã thông báo cho Công ty B điều xe ô tô đến thu gom rác thải, phế liệu. Công ty B đã điều xe ô tô BKS: 29U-7414 đến, T đăng ký với anh Lê Văn C1 để cho xe ô tô vào thu gom. Quá trình thu gom anh Trần Văn S có mặt để giám sát, T mang cân từ trong kho phế liệu của Công ty A ra để cân phế liệu thu gom, xe ô tô 29U-7414 đã thu gom được 606kg bìa. Khi xe ô tô BKS: 29U-7414 ra khỏi cổng Công ty A, T đã nói với anh Sự và bảo vệ cổng là còn xe của Công ty B đang đến tiếp tục thu gom, khi nào xong T sẽ báo số lượng thu gom được cụ thể để lập biên bản giao nhận. Do tin tưởng T nên anh Sự và bảo vệ cổng Công ty A đồng ý và cho xe ô tô BKS: 29U-7414 đi qua. Sau đó T đã liên hệ với chị Phạm Thị H và thống nhất với T mua với giá 15.000đồng/1kg nhựa phế liệu ABS. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, chị Huyền thuê anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1976, HKTT: thôn Đại Hữu, xã Tây Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình điều khiển xe ô tô BKS 17C-001.90 cùng 02 người bốc vác (không biết tên, tuổi và địa chỉ) đến cổng Công ty A gặp T và đi cân trọng lượng xe tại Công ty Đại Tân. Sau khi cân xong T đăng ký với anh Lê Văn C1 và nói với anh C1 xe ô tô BKS: 17C-001.90 là xe của Công ty B đến chở rác phế liệu, do tin tưởng T nên anh C1 đã cho xe ô tô BKS 17C-001.90 vào trong Công ty A để bốc hàng phế liệu, T hướng dẫn lái xe đi xe đến khu vực để rác thải phế liệu cạnh bộ phận LCD của Công ty A. Khi T vào bốc nhựa phế liệu, T mang cân từ trong kho phế liệu của Công ty A ra để cân anh Trần Văn S có ra gặp T, vì biết T vào bốc hàng và tin tưởng T nên sau đó anh Sự lại đi làm việc khác để cho T chủ động cân và thu gom rác thải, phế liệu. Sau khi thực hiện xong hành vi như ngày 29/10/2020, thì tổng khối lượng nhựa phế liệu ABS mà T chiếm đoạt được của Công ty A để bán cho chị Huyền vào ngày 08/12/2020 là 2.225kg. T điện thoại thông báo với chị Huyền khối lượng nhựa phế liệu ABS cân được, chị Huyền đã thanh toán và chuyển tiền từ tài khoản số 32411678888 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) đến số tài khoản 0351001104231 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho T số tiền 33.375.000đồng. Đối với số nhựa phế liệu ABS chị Huyền mua của T sau đó chị Huyền đã bán cho người không quen biết tên, tuổi và địa chỉ thu mua nhựa phế liệu được số tiền lãi là 2.200.000 đồng, chị Huyền đã giao nộp số tiền này để phục vụ cho việc điều tra.

Lần thứ ba: Cùng ngày 08/12/2020, sau khi chiếm đoạt 2.225kg nhựa phế liệu ABS của Công ty A bán cho chị Huyền, T tiếp tục liên hệ với anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983, trú tại: thôn Liễu Khê, xã Song Liễu, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh là người chuyên thu mua rác phế liệu. T và anh Khanh thống nhất mua với giá 13.500đồng/kg nhựa phế liệu PS. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, anh Khanh cùng anh Nguyễn Văn Đồng, sinh năm 1982 trú tại: thôn Hùng Trì, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và 02 người bốc vác (không biết tên, tuổi và địa chỉ) điều khiển xe ô tô BKS 30P-8442 đi đến cổng Công ty A, T cùng anh Khanh đến Công ty Đại Tân cân trọng lượng xe, sau đó làm thủ đăng ký với anh Lê Văn C1 (bảo vệ của Công ty A) nói xe ô tô BKS 30P-8442 là xe của Công ty B đến thu gom rác thải, phế liệu, anh C1 tin tưởng T nên cho xe vào Công ty. T hướng dẫn lái xe đến khu vực để rác thải phế liệu cạnh bộ phận LCD của Công ty A. T mang cân từ trong kho phế liệu của Công ty A ra để cân, khi T vào thì anh Trần Văn S có ra gặp T (cũng như lần trước vì biết T vào bốc hàng và tin tưởng T nên sau đó anh S lại đi làm việc khác). Quá trình bốc nhựa phế liệu PS lên xe, T chủ động đưa phế liệu lên xe ô tô (thực tế T không cân nhựa phế liệu trong Công ty A mà chỉ mang cân ra để tạo sự tin tưởng của anh S và Công ty A). Sau khi đưa hàng lên xe ô tô xong, T đã nói với anh S và bảo vệ tại cổng là còn xe của Công ty B đang đến tiếp tục thu gom, khi nào xong T sẽ báo số lượng thu gom được cụ thể để lập biên bản giao nhận. Tiếp đó, T cùng anh Khanh đến Công ty Đại Tân cân, được tổng khối lượng khay nhựa phế liệu PS mà T chiếm đoạt của Công ty A bán cho Khanh là 2.170kg. Anh Khanh đã chuyển khoản cho T số tiền là 29.300.000đồng. Sau đó, T tiếp tục thông báo với Công ty B để điều xe ô tô BKS: 89C-224.91 đến thu gom, T đăng ký với anh Lê Văn C1 (là bảo vệ) để cho xe ô tô vào thu gom. Xe ô tô BKS: 89C-224.91 của Công ty B đã thu gom được: 248kg nhựa phế liệu PS, 438 kg nhựa phế liệu PPGF và 2.876kg rác thải. Sau khi bốc hàng xong, T đã thông báo với anh S khối lượng phế liệu cân được của 04 xe ô tô là: Xe ô tô: BKS 29U-7441 thu gom được 606kg bìa; Xe ô tô BKS 17C-001.90 thu gom được 248kg nhựa PS, xe ô tô 30P-8442 thu gom được 438kg nhựa PPGF và xe ô tô 89C-224.91 thu gom được 2.876kg rác thải. Tin tưởng T cân, làm đúng quy định nên anh S đã vào sổ theo số lượng mà T thông báo, sau đó cả hai bên lập biên bản bàn giao phế liệu, T và anh S ký xác nhận biên bản (mỗi bên giữ 01 bản, anh S giao cho Công ty A, T giao cho lái xe Công ty B đem về Công ty B). Đối với số nhựa phế liệu PS anh Khanh mua của T sau đó anh đã bán cho người không quen biết biết tên, tuổi và địa chỉ thu mua nhựa phế liệu được số tiền lãi là 2.200.000đồng, anh Khanh đã giao nộp số tiền này để phục vụ cho việc điều tra. Như vậy bằng thủ đoạn tương tự ngày 29/10/2020, ngày 08/12/2020 T đã gian dối chiếm đoạt của Công ty A. Tổng số lượng nhựa ABS là 2.225kg và 2.170kg nhựa PS.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐ, ngày 15/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận: 01kg khay nhựa phế liệu (nhựa ABS) trị giá 13.500đ/kg; 01kg khay nhựa phế liệu (nhựa PS) trị giá 11.000đ/kg.

Như vậy, tổng số tài sản mà bị can Nguyễn Xuân T đã chiếm đoạt của Công ty A 03 (ba) lần là 5.475kg khay nhựa phế liệu ABS và 2.170kg khay nhựa phế liệu PS cụ thể:

- Ngày 29/10/2020 chiếm đoạt 3.250kg khay nhựa phế liệu ABS, trị giá tài sản T đã chiếm đoạt là: $3.250\text{kg} \times 13.500\text{đ}/1\text{kg} = 43.875.000$ đồng. (*T bán được 45.500.000 đồng*).

- Buổi trưa ngày 08/12/2020 chiếm đoạt 2.225kg khay nhựa phế liệu ABS trị giá tài sản T đã chiếm đoạt là: $2.225\text{kg} \times 13.500\text{đ}/1\text{kg} = 30.037.500$ đồng (*T bán được 33.750.000 đồng*).

- Buổi chiều ngày 08/12/2020 chiếm đoạt 2.170kg khay nhựa phế liệu PS trị giá tài sản T đã chiếm đoạt là: $2.170\text{kg} \times 11.000\text{đ}/1\text{kg} = 23.870.000$ đồng (*T bán được 29.300.000 đồng*).

* *Vật chứng thu giữ chưa xử lý gồm:* 01 (một) điện thoại Realme 5Pro màu xanh đã qua sử dụng của Nguyễn Xuân T. Quá trình điều tra anh trai bị cáo đã tự nguyện nộp 50.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo; thu giữ số tiền 7.600.000 đồng thu lời (Trong đó của chị Phạm Thị H giao nộp 5.400.000 đồng, anh Nguyễn Văn K giao nộp 2.200.000 đồng).

* *Về trách nhiệm dân sự:*

Đối với Công ty B đã nhận đủ số lượng rác thải, nhựa phế liệu theo biên bản giao nhận với Công ty A vào ngày 29/12/2020 và 08/12/2020. Giữa hai Công ty đã thanh toán đầy đủ với nhau. Do vậy Công ty B không bị thiệt hại gì khi T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (nhựa phế liệu ABS và PS) của Công ty A. Nên Công ty B không đề nghị và yêu cầu T phải bồi thường dân sự gì cho Công ty B.

Anh Tạ Đăng H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty JTM, yêu cầu bị can phải bồi thường số tiền tương ứng với số tài sản không thu hồi được mà bị can đã chiếm đoạt 97.782.500đồng.

Tại Cáo trạng số: 112/CT-VKS-P2 ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T khai lợi dụng sự tin tưởng của nhân viên bảo vệ và nhân viên giám sát của Công ty A là anh Sự khi thu gom phế liệu, bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt phế liệu của Công ty

sau đó bán lấy tiền chi tiêu. Tổng cộng bị cáo lấy 03 lần, 01 lần ngày 29/10/2020 và 02 lần ngày 08/12/2020, bán được hơn 108 triệu đồng, bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Anh C1 và anh Sự không biết gì việc làm của bị cáo. Khi bán cho anh Khanh và chị Huyền bị cáo không cho biết đó là tài sản bị cáo chiếm đoạt của Công ty A. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội. Quá trình tạm giam, bị cáo đã nhấn gia đình nộp tiền để bồi thường cho Công ty A. Nay gia đình bị cáo đã nộp 100.000.000đ để bồi thường, bị cáo nhất thời phạm tội, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện cho Công ty A vắng mặt nhưng có đơn trình bày: Công ty yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền T đã chiếm đoạt là 97.782.500 đồng, đồng thời xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Nguyễn Xuân C trình bày: Gia đình anh đã tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000 đồng cho cơ quan điều tra và 50.000.000đ nộp tại Cục THADS tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Gia đình có ông nội và bố đều đều tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, bị cáo tuổi đời còn trẻ nhất thời phạm tội, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Đối với số tiền này anh không yêu cầu bị cáo T phải trả lại anh và cũng không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh không biết số phế liệu T bán là do T chiếm đoạt của Công ty A. Khoảng 14 giờ 30 ngày 8/12/2020, T bán cho anh 2,2 tấn khay nhựa, anh trả T 29.300.000 đồng. Sau đó anh bán được lãi 2.200.000đ. Anh đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.200.000 đồng cho cơ quan điều tra, anh không yêu cầu gì.

Chị Phạm Thị H có lời khai tại CQĐT trình bày: Chị đã mua phế liệu của T 02 lần và không biết đó phế liệu T chiếm đoạt của Công ty A. Lần thứ nhất khoảng trưa ngày 29/10/2020, T bán cho chị 3.250kg với giá 14.000 đồng/kg. Chị đã chuyển khoản cho T 45.500.000đ. Sau đó chị đã bán số khay nhựa này cho người thu mua phế liệu được lãi 3.200.000đ. Lần thứ hai ngày 08/12/2020, T tiếp tục bán cho chị 2.225kg, chị chuyển khoản cho T số tiền 33.375.000 đồng. Sau đó chị đã bán cho người thu gom phế liệu lãi được 2.200.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch mà khi bán là 5.400.000 đồng, số tiền này chị đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an. Chị không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản

2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Xuân T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2021. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền 97.782.500 đồng. Tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để bảo đảm thi hành án. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước Số tiền 7.600.000đồng (tiền thu lợi của anh Khanh và chị Huyền); 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Realme 5Pro màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Xuân T do dùng vào việc phạm tội; truy thu của T số tiền 10.392.500đ tiền thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Xuân T không có ý kiến gì tranh luận về tội danh. Bị cáo đã rất hối hận về hành vi sai trái của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, KSV tuân thủ theo đúng Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì, vì vậy là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của nhân viên bảo vệ và nhân viên giám sát việc thu gom phế liệu của Công ty A, Nguyễn Xuân T đã có thủ đoạn gian dối thông qua việc cân phế liệu không không đúng với thực tế và đưa xe ô tô BKS:17C-001.90 và BKS: 30P-8442 nói dối là xe của Công ty B vào trong Công ty A bốc nhựa phế liệu đem ra ngoài bán lấy tiền, tổng số tiền T chiếm đoạt của Công ty A là 97.782.500 đồng. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 29/10/2020, T chiếm đoạt 3.250kg khay nhựa phế liệu ABS, trị giá là: $3.250\text{kg} \times 13.500\text{đ}/1\text{kg} = 43.875.000$ đồng.

Lần thứ hai vào buổi trưa ngày 08/12/2020, T chiếm đoạt 2.225kg khay nhựa phế liệu ABS, trị giá là: $2.225\text{kg} \times 13.500\text{đ}/1\text{kg} = 30.037.500$ đồng.

Lần thứ ba vào buổi chiều ngày 08/12/2020, T chiếm đoạt 2.170kg khay nhựa phế liệu PS, trị giá là: $2.170\text{kg} \times 11.000\text{đ}/1\text{kg} = 23.870.000$ đồng.

Vì vậy có đủ căn cứ để xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Công ty A, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của nước ngoài tại địa phương. Vì vậy cần xử lý nghiêm có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 03 lần chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu T tội phạm nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; gia đình bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000đ để bồi thường cho Công ty A và tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được tặng thưởng Bằng khen, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; bố được tặng Huân, Huy chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại; có nhân thân tốt, nên cần áp dụng Điều 54 phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty A số tiền là 97.782.500 đồng, tạm giữ số tiền 100 triệu đồng do gia đình bị cáo đã nộp bồi thường thay cho bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[5]. Đối với chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn K là những người thu mua phế liệu, không biết đây là tài sản T chiếm đoạt của Công ty A; các lái xe gồm anh Khôi, anh Thế Anh, anh Đồng (bốc vác thuê) không biết gì về hành vi phạm tội của T; anh Lê Văn C1 và anh Trần Văn S là bảo vệ của Công ty A, không được T bàn bạc gì nên không có dấu hiệu đồng phạm, vì vậy CQĐT không xem xét xử lý là phù hợp với pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Số tiền 7.600.000 đồng của anh K và chị Huyền nộp là tiền thu lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của T nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Realme 5Pro màu xanh của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Đối với số tiền bị

cáo T hưởng lợi bất chính từ việc bán phế liệu là 10.392.500đ cần truy thu để sung ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/01/2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho công ty TNHH A số tiền là 97.782.500 đồng.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 7.600.000 đồng; 01 (Một) điện thoại Realme 5Pro màu xanh của bị cáo Nguyễn Xuân T (*Chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 120/2021 ngày 28/09/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh*).

- Truy thu của bị cáo T 10.392.500đ tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án (Trong đó có 50.000.000đ nằm trong số tiền vật chứng 57.600.000đ CQĐT chuyển Cục THA và 50.000.000đ do anh C – anh bị cáo nộp theo Biên lai thu tiền số 0000214 ngày 17/11/2021 của Cục THADS tỉnh Bắc Ninh)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT (PC 02)- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại TG- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10, PV 26- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Thị Lượng